

Số: 144/BC-ĐHCNQ

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 12 năm 2022

V/v Báo cáo tình hình việc
làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2021

Kính gửi: Vụ giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 3943/BGDĐT- GDĐH ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 13/KH-ĐHCNQ ngày 18 tháng 01 năm 2022 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2021. Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh báo cáo như sau:

I. Thông tin chung

1. Tổng số tốt nghiệp năm 2021: 178 sinh viên; trình độ đại học: 100%.

2. Đã khảo sát: 178 sinh viên, trong đó:

- Sinh viên tốt nghiệp có phản hồi 173 đạt 97,19%
- Sinh viên tốt nghiệp không phản hồi 05 đạt 2,80%
- Hình thức khảo sát: gọi điện thoại trực tiếp, phiếu khảo sát trực tiếp.

II. Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (Có phụ lục kèm theo)

Được đánh giá trên 3 chỉ tiêu:

- Sinh viên có việc làm đạt tỷ lệ 100 %;
- Sinh viên chưa có việc làm tỷ lệ: 0%;
- Số sinh viên đang học nâng cao tỷ lệ: 0%.

III. Khu vực việc làm của sinh viên tốt nghiệp

- Khu vực nhà nước đạt tỷ lệ: 32,94 %
- Tổ chức tư nhân đạt tỷ lệ: 54,91 %
- Liên doanh với nước ngoài đạt tỷ lệ: 12,13 %
- Tự tạo việc làm đạt tỷ lệ: 0 %

IV. Đánh giá mối quan hệ giữa kết quả đào tạo và tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp.

Từ kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp có thể đánh giá như sau:

- Tất cả các sinh viên tốt nghiệp đều đã có việc làm.
- Việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong các khu vực: sinh viên làm trong khối tư nhân chiếm phần lớn (54,91%), khối liên doanh với nước ngoài chiếm tỷ lệ 12,13%; khối nhà nước chiếm tỷ lệ 32,94%.

Tuy nhiên tính ổn định trong việc làm chưa cao; nhiều sinh viên tốt nghiệp có việc làm, kể cả việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo nhưng sau thời gian đã dịch chuyển sang làm việc khác phù hợp với các điều kiện như: Thu nhập cao hơn; khả năng

phát triển lâu dài; điều kiện đi lại, sinh hoạt và các điều kiện khác xuất hiện trong xã hội... Đây là xu hướng trải nghiệm của lao động trẻ, chưa bằng lòng với hiện tại, luôn vươn tới cái mới, muốn thử sức ở lĩnh vực khác.

Trên đây là những thông tin cần thiết để Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh định hướng đào tạo trong những năm tới cụ thể là: Xác định chỉ tiêu tuyển sinh, điều chỉnh cơ cấu ngành đào tạo, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp dạy học và một số thay đổi khác nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh rất mong nhận được sự chỉ đạo kịp thời của Bộ Giáo dục và Đào tạo để Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, nhu cầu xã hội và người học.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hoàng Hùng Thắng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐHCN QUẢNG NINH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số: 144/BC-ĐHCNQN ngày 01. tháng 12 năm 2022 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

Trình độ đào tạo: Đại học, Liên thông Đại học
Họ và tên cán bộ tổng hợp: Phạm Thị Thu Hương

Số điện thoại liên hệ: 0203.3871.731; 0984096725

STT	Mã ngành(*)	Tên ngành	Số SVTN		Số SVPH		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SVTN có việc làm/tổng số SV phản hồi (%)	Tỷ lệ SVTN có việc làm/tổng số SV tốt nghiệp (%)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm		
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan ngành đào tạo				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	7520601	Kỹ thuật mỏ	4	0	4	0	4	0	0	0	0	100.00	100.00
2	7510301	Kỹ thuật điện, điện tử	72	2	67	2	32	18	17	0	0	100.00	93.06
3	7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng	4	0	4	0	2	1	1	0	0	100.00	100.00
4	7510303	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	29	0	29	0	8	10	11	0	0	100.00	100.00
5	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	3	0	3	0	2	1	0	0	0	100.00	100.00
6	7520503	Kỹ thuật trắc địa- bản đồ	2	0	2	0	2	0	0	0	0	100.00	100.00
7	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	4	0	4	0	2	1	1	0	0	100.00	100.00
8	7340101	Quản trị kinh doanh	6	2	6	2	2	4	0	0	0	100.00	100.00
9	7340201	Tài chính ngân hàng	5	4	5	4	4	1	0	0	0	100.00	100.00
10	7340301	Kế toán	39	31	39	31	32	4	3	0	0	100.00	100.00
11	7480201	Công nghệ thông tin	10	2	10	2	8	2	0	0	0	100.00	100.00
		Tổng	178	41	173	41	98	42	33	0	0	100.00	97.19

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hoàng Hùng Thăng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐHCN QUẢNG NINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: .../BC-ĐHCNQN ngày... tháng 12 năm 2022 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	CQ07DH0314	Phạm Văn Trung	Nam	18/02/1996	7510301	1111111111	0337488374	PKS	x
2	CQ07DH0164	Hoàng Nguyễn Đạt	Nam	12/06/1996	7510303	1111111111	0332331556	PKS	x
3	CQ07DH0930	Trần Quang Huy	Nam	23/12/1996	7480201	1111111111	0906282308	PKS	x
4	CQ07DH0301	Nguyễn Hải Nam	Nam	16/07/1996	7480201	1111111111	0392493866	PKS	x
5	CQ07DH1048	Nguyễn Đình Đà	Nam	16/12/1996	7520601	1111111111	0373760111	PKS	x
6	CQ08DH0262	Trần Quốc Đạt	Nam	15/11/1997	7510301	1111111111	0389748734	PKS	x
7	CQ08DH0347	Phạm Ngọc Huy	Nam	20/09/1996	7510301	1111111111	0369786333		
8	CQ08DH0384	Trần Xuân Thịnh	Nam	15/08/1997	7510301	1111111111	0333855509	PKS	x
9	CQ08DH0289	Lê Văn Cường	Nam	11/04/1997	7510301	1111111111	0384540258	PKS	x
10	CQ08DH0193	Lê Trung Kiên	Nam	17/10/1997	7510301	1111111111	0384540258	PKS	x
11	CQ08DH0146	Trần Văn Tùng	Nam	30/03/1996	7510301	1111111111	0372434687	PKS	x
12	CQ08DH0164	Nguyễn Đình Đức	Nam	30/11/1997	7510301	1111111111	0369916083		
13	CQ07DH0360	Võ Minh Quang	Nam	03/11/1996	7510303	1111111111	0369916083	GĐTT	x
14	CQ08DH0331	Nguyễn Duy Hiếu	Nam	15/05/1997	7520607	1111111111	0984481206	GĐTT	x
15	CQ07DH0779	Dương Tuấn Tiến	Nam	30/04/1996	7520607	1111111111	0912053796	GĐTT	x
16	CQ08DH0437	Vũ Văn Yên	Nam	31/08/1995	7520607	1111111111	0932156368	GĐTT	x
17	CQ09DH0274	Nguyễn Trọng Sơn	Nam	25/04/1998	7510201	1111111111	0327771715	GĐTT	x
18	CQ09DH0264	Nguyễn Duy Hùng	Nam	15/08/1998	7510301	1111111111	0981283754	GĐTT	x
19	CQ09DH0091	Vũ Thị Lệ	Nữ	17/11/1997	7510301	1111111111	0389888167	GĐTT	x
20	CQ09DH0107	Nguyễn Minh Quang	Nam	31/05/1998	7510301	1111111111	0987454008	GĐTT	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
21	CQ09DH0054	Phan Văn	Bách	Nam	07/02/1998	7510301	1111111111	0352549859	PKS	x
22	CQ09DH0073	Nguyễn Văn	Hòa	Nam	03/11/1998	7510301	1111111111	0329324115	PKS	x
23	CQ09DH0272	Trần Việt	Hoàng	Nam	26/09/1998	7510301	1111111111	0338316940	PKS	x
24	CQ09DH0097	Vũ Hải	Nam	Nam	10/08/1998	7510301	1111111111	0978047057	PKS	x
25	CQ09DH0020	Phạm Trọng	Nghĩa	Nam	01/10/1998	7510301	1111111111	0393248093	PKS	x
26	CQ09DH0123	Lê Tuấn	Thành	Nam	16/06/1996	7510301	1111111111	0374174964	PKS	x
27	CQ09DH0277	Nguyễn Đức	Thoan	Nam	28/10/1998	7510301	1111111111	0378910606	PKS	x
28	CQ09DH0233	Đỗ Như	Thủy	Nam	13/12/1998	7510301	1111111111	0329361919	PKS	x
29	CQ09DH0251	Đồng Duyên	Anh	Nam	16/01/1998	7510303	1111111111	0974329021	PKS	x
30	CQ09DH0007	Trần Tiến	Đạt	Nam	08/08/1997	7510303	1111111111	0347670567	PKS	x
31	CQ09DH0268	Phạm Văn	Mạnh	Nam	23/11/1998	7510303	1111111111	0369741457	PKS	x
32	CQ09DH0292	Trần Văn	Quang	Nam	13/11/1997	7510303	1111111111	0355390570	PKS	x
33	CQ09DH0023	Phạm Minh	Quý	Nam	24/11/1997	7510303	1111111111	0392976967	PKS	x
34	CQ09DH0024	La Tiến	Sinh	Nam	14/08/1998	7510303	1111111111	0337557312	PKS	x
35	CQ09DH0028	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	12/05/1998	7510303	1111111111	0917212858	PKS	x
36	CQ09DH0293	Đặng Thị	Bích	Nữ	10/12/1997	7340301	1111111111	0963096619	PKS	x
37	CQ09DH0263	Phan Ngọc	Huy	Nam	30/09/1995	7340301	1111111111	0916003129	PKS	x
38	CQ09DH0400	Nguyễn Lê Mỹ	Huyền	Nữ	22/09/1997	7340301	1111111111	0969008009	PKS	x
39	CQ09DH0194	Trương Thị Kiều	Trình	Nữ	11/10/1998	7340301	1111111111	0964325927	PKS	x
40	CQ09DH0223	Hoàng Quốc	Khánh	Nam	01/09/1998	7520503	1111111111	0936121161	PKS	x
41	CQ09DH0206	Bùi Văn	Quân	Nam	12/01/1997	7520503	1111111111	0387128535	PKS	x
42	LTCQ9DH027	Nguyễn Văn	Quý	Nam	28/10/1984	7520607	1111111111	0904200424	PKS	x
43	LTCQ10DH11	Lã Công	Cảnh	Nam	04/11/1995	7510303	1111111111	0983673361	PKS	x
44	LTCQ10DH20	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	20/11/1989	7520601	1111111111	0973163078	PKS	x
45	LTCQ11DH10	Ngô Trọng	Bình	Nam	26/04/1981	7510201	1111111111	0904532820	PKS	x
46	LTCQ11DH04	Nguyễn Hồng	Quảng	Nam	10/10/1990	7510201	1111111111	0377666828	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
47	LTCQ11DH03	Hoàng Quang	Chính	Nam	21/06/1996	7510301	1111111111	0386141996	PKS	x
48	LTCQ11DH24	Dương Thị	Huyền	Nữ	23/01/1990	7340301	1111111111	0344514366	PKS	x
49	LTCQ11DH22	Phạm Quỳnh	Hương	Nữ	27/09/1979	7340301	1111111111	0914882078	PKS	x
50	LTCQ11DH16	Đặng Thị	Hường	Nữ	16/02/1984	7340301	1111111111	0985725184	PKS	x
51	LTCQ11DH15	Nguyễn Thị	Lam	Nữ	06/03/1981	7340301	1111111111	0773342251	PKS	x
52	LTCQ11DH21	Vũ Thị	Lan	Nữ	18/05/1990	7340301	1111111111	0982836208	PKS	x
53	LTCQ11DH18	Nguyễn Thị	Nghĩa	Nữ	10/08/1981	7340301	1111111111	0368543999	PKS	x
54	LTCQ11DH23	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	15/05/1983	7340301	1111111111	0983306123	PKS	x
55	LTCQ11DH19	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	23/08/1976	7340301	1111111111	0902089898	PKS	x
56	LTCQ11DH01	Phạm Thị	Thanh	Nữ	28/09/1987	7340301	1111111111	0934639878	PKS	x
57	CQ08DH0311	Trần Văn	Lâm	Nam	22/04/1997	7520601	1111111111	0334347029	PKS	x
58	CQ09DH0320	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	13/12/1996	7510102	1111111111	0912047130	GĐTT	x
59	CQ09DH0044	Phan Huy	Hoàng	Nam	17/05/1997	7510201	1111111111	0332774610	GĐTT	x
60	CQ09DH0064	Bùi Văn	Đại	Nam	04/03/1997	7510301	1111111111	0365798732	GĐTT	x
61	CQ09DH0127	Ngô Hữu	Thắng	Nam	15/08/1997	7510301	1111111111	0382173273	GĐTT	x
62	CQ09DH0011	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	31/08/1998	7510303	1111111111	0378043990	GĐTT	x
63	CQ09DH0014	Nguyễn Tiến	Huy	Nam	09/10/1998	7510303	1111111111	0978806332	GĐTT	x
64	CQ09DH0300	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	02/09/1998	7340301	1111111111	0337197607	GĐTT	x
65	LTCQ11DH11	Ngô Mạnh	Hà	Nam	22/07/1993	7510303	1111111111	0936534765	PKS	x
66	LTCQ11DH12	Nguyễn Tuyết	Nhung	Nữ	28/05/1982	7480201	1111111111	0978882231	PKS	x
67	LTCQ12DH14	Cao Thị	Ngân	Nữ	25/03/1989	7340301	1111111111	0972379111	PKS	x
68	CQ10DH0007	Phạm Đức	Cường	Nam	05/12/1999	7510301	1111111111	0387997737	PKS	x
69	CQ10DH0150	Bùi Ngọc	Hải	Nam	29/03/1998	7510301	1111111111	0961657783	PKS	x
70	CQ10DH0005	Trần Quang	Ninh	Nam	09/07/1999	7510301	1111111111	0376422037	PKS	x
71	CQ10DH0006	Phạm Văn	Tài	Nam	07/09/1999	7510301	1111111111	0354706119	PKS	x
72	CQ10DH0004	Bùi Anh	Tuấn	Nam	02/11/1999	7510301	1111111111	0342990182	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
73	CQ10DH0063	Nguyễn Mạnh	Tiến	Nam	12/07/1999	7510301	1111111111	0766363860	PKS	x
74	LA10DH0010	Phetviengsy	Sonechit	Nam	19/06/1998	7510301	1111111111	0398877609	PKS	x
75	LA10DH0006	Xaysompheng	Souphalat	Nam	02/04/1999	7510301	1111111111	0889660441	PKS	x
76	CQ10DH0037	Lê Tuấn	Anh	Nam	08/09/1999	7510301	1111111111	0395641925	PKS	x
77	CQ10DH0039	Trần Thế	Anh	Nam	21/10/1999	7510301	1111111111	0348442099	PKS	x
78	CQ10DH0020	Lường Văn	Biển	Nam	05/07/1999	7510301	1111111111	0383574830	PKS	x
79	CQ10DH0151	Vũ Văn	Bính	Nam	29/02/1996	7510301	1111111111	0982999435	PKS	x
80	CQ10DH0022	Bùi Văn	Chiến	Nam	01/01/1999	7510301	1111111111	0326745510	GĐTT	x
81	CQ10DH0051	Hoàng Hải	Dương	Nam	08/11/1999	7510301	1111111111	0334656723	GĐTT	x
82	CQ10DH0027	Lưu Tùng	Dương	Nam	01/12/1999	7510301	1111111111	0705756899	GĐTT	x
83	CQ10DH0029	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	13/02/1999	7510301	1111111111	0969308912	GĐTT	x
84	CQ10DH0034	Phùng Hải	Đăng	Nam	10/05/1999	7510301	1111111111	0386100599	GĐTT	x
85	CQ10DH0146	Trần Hải	Đăng	Nam	15/07/1999	7510301	1111111111	0375580417	GĐTT	x
86	CQ10DH0038	Vũ Việt	Đức	Nam	20/05/1999	7510301	1111111111	0971386758	GĐTT	x
87	CQ10DH0050	Nguyễn Văn	Đương	Nam	09/11/1999	7510301	1111111111	0986800428	GĐTT	x
88	CQ10DH0160	Nguyễn Trường	Giang	Nam	20/08/1998	7510301	1111111111	0389951111	GĐTT	x
89	CQ10DH0032	Phạm Minh	Hậu	Nam	17/05/1999	7510301	1111111111	0353699356	GĐTT	x
90	CQ10DH0153	Đoàn Ngọc	Hiếu	Nam	05/09/1996	7510301	1111111111	0589032177	GĐTT	x
91	CQ10DH0071	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	10/05/1999	7510301	1111111111	0377828924	GĐTT	x
92	CQ10DH0030	Nguyễn Quang	Hùng	Nam	28/08/1999	7510301	1111111111	0394685384	GĐTT	x
93	CQ10DH0155	Phạm Huy	Hùng	Nam	30/08/1999	7510301	1111111111	0329259188	GĐTT	x
94	CQ10DH0028	Phạm Mạnh	Hùng	Nam	24/11/1999	7510301	1111111111	0976205618	GĐTT	x
95	CQ10DH0152	Trần Phi	Hùng	Nam	18/12/1999	7510301	1111111111	0976364541		
96	CQ10DH0036	Hà Văn	Huy	Nam	13/10/1999	7510301	1111111111	0378258499	GĐTT	x
97	CQ10DH0014	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	17/12/1999	7510301	1111111111	0963390310	GĐTT	x
98	CQ10DH0040	Bùi Hữu	Hưng	Nam	30/11/1999	7510301	1111111111	0936866358	GĐTT	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
99	CQ10DH0053	Nguyễn Xuân	Hữu	Nam	14/01/1999	7510301	1111111111	0365604715	GĐTT	x
100	CQ10DH0075	Cao Trung	Kiên	Nam	06/01/1999	7510301	1111111111	0337082133	GĐTT	x
101	CQ10DH0052	Lê Quyết Trung	Kiên	Nam	23/09/1999	7510301	1111111111	0983486558	GĐTT	x
102	CQ10DH0135	Hoàng Đình	Lập	Nam	19/03/1999	7510301	1111111111	0374793336	GĐTT	x
103	CQ10DH0031	Ngô Quang	Linh	Nam	18/01/1999	7510301	1111111111	0934272069	GĐTT	x
104	CQ10DH0025	Nguyễn Thành	Long	Nam	26/08/1999	7510301	1111111111	0968395579	GĐTT	x
105	CQ10DH0035	Nguyễn Văn	Phong	Nam	11/09/1999	7510301	1111111111	0329845924	GĐTT	x
106	CQ10DH0044	Nguyễn Văn	Quang	Nam	14/02/1999	7510301	1111111111	0826647155	GĐTT	x
107	CQ10DH0148	Nguyễn Văn	Quang	Nam	19/07/1999	7510301	1111111111	0366986224		
108	CQ10DH0049	Trần Huy	Quang	Nam	24/12/1999	7510301	1111111111	0386832758	GĐTT	x
109	CQ10DH0043	Đỗ Hoàng Cao	Thái	Nam	29/09/1999	7510301	1111111111	0988764612	GĐTT	x
110	CQ10DH0002	Nguyễn Mạnh	Tú	Nam	09/04/1998	7510301	1111111111	0778381789	GĐTT	x
111	CQ10DH0144	Lê Ngọc	Vĩ	Nam	17/03/1999	7510301	1111111111	0975304345	GĐTT	x
112	CQ10DH0079	Phạm Văn	Bình	Nam	31/05/1999	7510303	1111111111	0936731554	GĐTT	x
113	CQ10DH0083	Dương Đức	Chung	Nam	03/10/1999	7510303	1111111111	0395385828	GĐTT	x
114	CQ10DH0076	Vũ Văn	Đức	Nam	28/05/1999	7510303	1111111111	0385035569	GĐTT	x
115	CQ10DH0088	Trương Văn	Hạnh	Nam	24/01/1999	7510303	1111111111	0704111057	GĐTT	x
116	CQ10DH0093	Nguyễn Sĩ	Hiệp	Nam	25/08/1997	7510303	1111111111	0778352859	GĐTT	x
117	CQ10DH0018	Đỗ Minh	Hiếu	Nam	02/10/1999	7510303	1111111111	0848021099	GĐTT	x
118	CQ10DH0086	Trần Mạnh	Hung	Nam	21/12/1999	7510303	1111111111	0379626294	GĐTT	x
119	CQ10DH0094	Nguyễn Đình	Khải	Nam	21/06/1999	7510303	1111111111	0346829900	GĐTT	x
120	CQ10DH0168	Trần Đức	Khoái	Nam	17/01/1998	7510303	1111111111	0989316368	GĐTT	x
121	CQ10DH0096	Hoàng Thanh	Long	Nam	11/12/1999	7510303	1111111111	0359043988	PKS	x
122	CQ10DH0143	Lê Xuân	Long	Nam	02/10/1999	7510303	1111111111	0399352018	PKS	x
123	CQ10DH0165	Nguyễn Hợp	Long	Nam	13/09/1999	7510303	1111111111	0366418319	PKS	x
124	CQ10DH0074	Trần Trung	Toàn	Nam	30/07/1999	7510303	1111111111	0373668196	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
125	CQ10DH0054	Bùi Thanh	Tuấn	Nam	25/04/1999	7510303	1111111111	0922037896	PKS	x
126	CQ10DH0047	Trần Anh	Tuấn	Nam	14/12/1999	7510303	1111111111	0359584966	PKS	x
127	CQ10DH0085	Vương Triệu	Vĩ	Nam	26/09/1999	7510303	1111111111	0795376769	PKS	x
128	CQ10DH0163	Nguyễn Đức	Anh	Nam	14/09/1996	7340301	1111111111	0329870515	PKS	x
129	CQ10DH0122	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	09/12/1999	7340301	1111111111	0398906093	PKS	x
130	CQ10DH0114	Trịnh Thị Quế	Anh	Nữ	22/05/1999	7340301	1111111111	0826504928	PKS	x
131	CQ10DH0098	Trần Ngọc	Bích	Nữ	06/09/1999	7340301	1111111111	0359639225	PKS	x
132	CQ10DH0064	Phạm Thị Hồng	Duyên	Nữ	22/06/1999	7340301	1111111111	0926120468	PKS	x
133	CQ10DH0110	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	01/03/1999	7340301	1111111111	0399765778	PKS	x
134	CQ10DH0103	Nguyễn Hải	Hậu	Nữ	17/12/1999	7340301	1111111111	0974308392	PKS	x
135	CQ10DH0120	Phạm Mai	Hồng	Nữ	27/10/1999	7340301	1111111111	0869126525	PKS	x
136	CQ10DH0102	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	07/10/1999	7340301	1111111111	0388844968	PKS	x
137	CQ10DH0106	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	05/12/1999	7340301	1111111111	0782017188	GĐTT	x
138	CQ10DH0105	Vũ Huyền	Linh	Nữ	02/06/1999	7340301	1111111111	0373541999	GĐTT	x
139	CQ10DH0119	Vũ Thị	Mai	Nữ	18/10/1999	7340301	1111111111	0332547694	GĐTT	x
140	CQ10DH0111	Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	07/10/1995	7340301	1111111111	0968085265	PKS	x
141	CQ10DH0123	Trần Quang	Minh	Nam	13/01/1999	7340301	1111111111	0373999985	GĐTT	x
142	CQ10DH0099	Nguyễn Thị Phương	Oanh	Nữ	14/06/1999	7340301	1111111111	0977507310	GĐTT	x
143	CQ10DH0117	Hoàng Thị	Thảo	Nữ	28/07/1998	7340301	1111111111	0357996106	GĐTT	x
144	CQ10DH0108	Hà Thị	Trang	Nữ	22/11/1999	7340301	1111111111	0398698886	GĐTT	x
145	LA10DH0007	Bounthavong	Seng	Nam	25/02/1996	7340301	1111111111	0763356911	GĐTT	x
146	CQ10DH0068	Lô Thanh	Hoàn	Nam	27/01/1999	7520601	1111111111	0855530998	GĐTT	x
147	CQ10DH0142	Nguyễn Thu	Hoài	Nữ	26/09/1999	7480201	1111111111	0345415606	GĐTT	x
148	CQ10DH0058	Phan Mạnh	Tiến	Nam	16/07/1999	7480201	1111111111	0948146401	GĐTT	x
149	CQ10DH0131	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	01/11/1999	7480201	1111111111	0368785103	GĐTT	x
150	CQ10DH0056	Vương Ngọc	Tú	Nam	24/08/1999	7480201	1111111111	0355395167	GĐTT	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
151	CQ10DH0060	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	31/08/1999	7480201	1111111111	0339517322	GĐTT	x
152	CQ10DH0059	Trần Ngọc	Hiếu	Nam	27/06/1999	7480201	1111111111	0394490330	GĐTT	x
153	CQ10DH0301	Phạm Tuấn	Chương	Nam	24/07/1999	7340101	1111111111	0366433483	GĐTT	x
154	CQ10DH0072	Vũ Trọng	Đức	Nam	01/02/1999	7340101	1111111111	0359494143	GĐTT	x
155	CQ10DH0129	Vũ Duy	Khánh	Nam	16/02/1999	7340101	1111111111	0388604456	GĐTT	x
156	CQ10DH0128	Hoàng Thị Bích	Ngọc	Nữ	28/11/1998	7340101	1111111111	0966105698	GĐTT	x
157	LA10DH0001	Boutdy	Phaxay	Nam	23/03/1999	7340101	1111111111	0204103969	GĐTT	x
158	LA10DH0004	Lomichith	Souphaphone	Nữ	05/11/1997	7340101	1111111111	0844433929	GĐTT	x
159	LA10DH0002	Phanpasack	Dao	Nữ	06/01/1999	7340201	1111111111	0826136038	GĐTT	x
160	LA10DH0013	Vannasy	Nidlamone	Nữ	04/08/1998	7340201	1111111111	0844433998	GĐTT	x
161	LA10DH0008	Vongsavanh	Phonethip	Nữ	26/01/1999	7340201	1111111111	0377782569	GĐTT	x
162	LA10DH0005	Baeng	Bounphaengphone	Nam	08/10/1997	7510102	1111111111	0375585245	GĐTT	x
163	LA10DH0003	Hoyhack	Maknavong	Nam	06/11/1999	7510102	1111111111	0763357085	GĐTT	x
164	LA10DH0014	Bounsone	Vilaisack	Nam	27/04/1999	7510301	1111111111	0704164877	GĐTT	x
165	CQ10DH0015	Nguyễn Minh	Đức	Nam	05/07/1999	7510301	1111111111	0978345372	GĐTT	x
166	CQ10DH0013	Nguyễn Ngọc	Đức	Nam	27/06/1999	7510301	1111111111	0375763522		
167	CQ10DH0167	Đàm Tiến	Quý	Nam	08/07/1997	7480201	1111111111	0389797541	GĐTT	x
168	CQ10DH0141	Nguyễn Quang Bảo	Ân	Nam	09/09/1998	7340301	1111111111	0362859657	GĐTT	x
169	CQ10DH0137	Vũ Lan	Hương	Nữ	14/09/1999	7340301	1111111111	0868655100	GĐTT	x
170	CQ10DH0100	Đặng Thanh	Tâm	Nữ	23/05/1999	7340301	1111111111	0349644179	GĐTT	x
171	LA10DH0009	Nouphavanh	Lorvanhpao	Nữ	23/02/1999	7340301	1111111111	0812470931	PKS	x
172	LA10DH0011	Kinnaly	Duangphachanh	Nữ	25/03/1998	7340201	1111111111	0763330488	GĐTT	x
173	LA10DH0012	Thongmai	Hatsachanh	Nam	13/05/1996	7340201	1111111111	0374977142	GĐTT	x
174	LTLA12DH06	Seenoulath	Chanthalungsee	Nam	18/08/1996	7510301	1111111111	0763331169	GĐTT	x
175	LTLA12DH03	Sengthanou	Phothilack	Nam	10/03/1996	7510301	1111111111	0916155877	GĐTT	x
176	LTLA12DH04	Midpasa	Phoummavanh	Nam	28/06/1997	7510301	1111111111	0968394834	GĐTT	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
177	LTLA12DH02	Thipphasay Kongsanith	Nam	12/02/1995	7340301	1111111111	0869677094	GDĐT	x
178	LTLA12DH01	Sinthared Vongsanit	Nam	13/05/1997	7340301	1111111111	0325376878	PKS	x

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG



TS. Hoàng Hùng Thắng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐHCN QUẢNG NINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2021 PHẢN HỒI

(Kèm theo Báo cáo số:...../BC-ĐHCNQN ngày.../... tháng 12 năm 2022 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	CQ07DH0314	Phạm Văn Trung	18/02/1996			X						X	Hải Phòng
2	CQ07DH0164	Hoàng Nguyễn Đạt	12/06/1996		X				X				Quảng Ninh
3	CQ07DH0930	Trần Quang Huy	23/12/1996	X						X			Hà Nội
4	CQ07DH0301	Nguyễn Hải Nam	16/07/1996		X					X			Quảng Ninh
5	CQ07DH1048	Nguyễn Đình Đà	16/12/1996	X					X				Quảng Ninh
6	CQ08DH0262	Trần Quốc Đạt	15/11/1997			X				X			Quảng Ninh
7	CQ08DH0347	Phạm Ngọc Huy	20/09/1996										
8	CQ08DH0384	Trần Xuân Thịnh	15/08/1997			X				X			Quảng Ninh
9	CQ08DH0289	Lê Văn Cường	11/04/1997		X					X			Quảng Ninh
10	CQ08DH0193	Lê Trung Kiên	17/10/1997	X					X				Quảng Ninh
11	CQ08DH0146	Trần Văn Tùng	30/03/1996	X						X			Quảng Ninh
12	CQ08DH0164	Nguyễn Đình Đức	30/11/1997										
13	CQ07DH0360	Võ Minh Quang	03/11/1996			X						X	Hải Phòng
14	CQ08DH0331	Nguyễn Duy Hiếu	15/05/1997	X					X				Quảng Ninh
15	CQ07DH0779	Dương Tuấn Tiến	30/04/1996	X					X				Quảng Ninh
16	CQ08DH0437	Vũ Văn Yên	31/08/1995			X				X			Quảng Ninh
17	CQ09DH0274	Nguyễn Trọng Sơn	25/04/1998		X							X	Hải Phòng
18	CQ09DH0264	Nguyễn Duy Hùng	15/08/1998		X					X			Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
19	CQ09DH0091	Vũ Thị Lê	17/11/1997	x						x			Quảng Ninh
20	CQ09DH0107	Nguyễn Minh Quang	31/05/1998			x				x			Quảng Ninh
21	CQ09DH0054	Phan Văn Bách	07/02/1998	x						x			Hà Nội
22	CQ09DH0073	Nguyễn Văn Hòa	03/11/1998			x				x			Hải Dương
23	CQ09DH0272	Trần Việt Hoàng	26/09/1998	x								x	Quảng Ninh
24	CQ09DH0097	Vũ Hải Nam	10/08/1998		x					x			Quảng Ninh
25	CQ09DH0020	Phạm Trọng Nghĩa	01/10/1998			x				x			Quảng Ninh
26	CQ09DH0123	Lê Tuấn Thành	16/06/1996	x					x				Quảng Ninh
27	CQ09DH0277	Nguyễn Đức Thoan	28/10/1998		x					x			Quảng Ninh
28	CQ09DH0233	Đỗ Như Thủy	13/12/1998		x							x	Quảng Ninh
29	CQ09DH0251	Đồng Duyên Anh	16/01/1998			x				x			Quảng Ninh
30	CQ09DH0007	Trần Tiến Đạt	08/08/1997		x				x				Quảng Ninh
31	CQ09DH0268	Phạm Văn Mạnh	23/11/1998			x			x				Quảng Ninh
32	CQ09DH0292	Trần Văn Quang	13/11/1997			x				x			Quảng Ninh
33	CQ09DH0023	Phạm Minh Quý	24/11/1997	x					x				Quảng Ninh
34	CQ09DH0024	La Tiến Sinh	14/08/1998		x							x	Quảng Ninh
35	CQ09DH0028	Nguyễn Minh Tuấn	12/05/1998	x						x			Quảng Ninh
36	CQ09DH0293	Đặng Thị Bích	10/12/1997	x					x				Quảng Ninh
37	CQ09DH0263	Phan Ngọc Huy	30/09/1995		x					x			Quảng Ninh
38	CQ09DH0400	Nguyễn Lê Mỹ Huyền	22/09/1997	x						x			Quảng Ninh
39	CQ09DH0194	Trương Thị Kiều Trinh	11/10/1998			x						x	Quảng Ninh
40	CQ09DH0223	Hoàng Quốc Khánh	01/09/1998	x						x			Hải Phòng
41	CQ09DH0206	Bùi Văn Quân	12/01/1997	x						x			Quảng Ninh
42	LTCQ9DH027	Nguyễn Văn Quý	28/10/1984		x					x			Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
43	LTCQ10DH11	Lã Công Cảnh	04/11/1995	x							x		Quảng Ninh
44	LTCQ10DH20	Nguyễn Văn Thuận	20/11/1989	x					x				Thanh Hoá
45	LTCQ11DH10	Ngô Trọng Bình	26/04/1981	x					x				Quảng Ninh
46	LTCQ11DH04	Nguyễn Hồng Quảng	10/10/1990			x				x			Quảng Ninh
47	LTCQ11DH03	Hoàng Quang Chính	21/06/1996	x						x			Hải Dương
48	LTCQ11DH24	Dương Thị Huyền	23/01/1990	x					x				Quảng Ninh
49	LTCQ11DH22	Phạm Quỳnh Hương	27/09/1979	x					x				Quảng Ninh
50	LTCQ11DH16	Đặng Thị Hường	16/02/1984	x					x				Quảng Ninh
51	LTCQ11DH15	Nguyễn Thị Lam	06/03/1981	x					x				Quảng Ninh
52	LTCQ11DH21	Vũ Thị Lan	18/05/1990	x					x				Hải Dương
53	LTCQ11DH18	Nguyễn Thị Nghĩa	10/08/1981	x					x				Quảng Ninh
54	LTCQ11DH23	Nguyễn Thị Nhung	15/05/1983	x					x				Quảng Ninh
55	LTCQ11DH19	Nguyễn Thị Phương	23/08/1976	x					x				Quảng Ninh
56	LTCQ11DH01	Phạm Thị Thanh	28/09/1987	x					x				Quảng Ninh
57	CQ08DH0311	Trần Văn Lâm	22/04/1997	x					x				Quảng Ninh
58	CQ09DH0320	Nguyễn Đức Thịnh	13/12/1996			x				x			Quảng Ninh
59	CQ09DH0044	Phan Huy Hoàng	17/05/1997	x								x	TP Hồ Chí Minh
60	CQ09DH0064	Bùi Văn Đại	04/03/1997		x					x			Hải Phòng
61	CQ09DH0127	Ngô Hữu Thắng	15/08/1997	x					x				TP Hồ Chí Minh
62	CQ09DH0011	Nguyễn Hoàng Hiệp	31/08/1998			x				x			Quảng Ninh
63	CQ09DH0014	Nguyễn Tiến Huy	09/10/1998			x				x			Quảng Ninh
64	CQ09DH0300	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/09/1998	x					x				Quảng Ninh
65	LTCQ11DH11	Ngô Mạnh Hà	22/07/1993	x					x				Quảng Ninh
66	LTCQ11DH12	Nguyễn Tuyết Nhung	28/05/1982	x					x				Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài		
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
67	LTCQ12DH14	Cao Thị Ngân	25/03/1989	x						x				Quảng Ninh
68	CQ10DH0007	Phạm Đức Cường	05/12/1999			x					x			Hải Dương
69	CQ10DH0150	Bùi Ngọc Hải	29/03/1998	x							x			Hải Dương
70	CQ10DH0005	Trần Quang Ninh	09/07/1999			x				x				Quảng Ninh
71	CQ10DH0006	Phạm Văn Tài	07/09/1999			x					x			Hải Dương
72	CQ10DH0004	Bùi Anh Tuấn	02/11/1999			x							x	Hải Phòng
73	CQ10DH0063	Nguyễn Mạnh Tiến	12/07/1999		x					x				Quảng Ninh
74	LA10DH0010	Phetviengsy Sonechit	19/06/1998	x						x				Lào
75	LA10DH0006	Xaysompheng Souphalat	02/04/1999	x						x				Lào
76	CQ10DH0037	Lê Tuấn Anh	08/09/1999	x							x			Quảng Ninh
77	CQ10DH0039	Trần Thế Anh	21/10/1999	x							x			Quảng Ninh
78	CQ10DH0020	Lường Văn Biễn	05/07/1999	x							x			Điện Biên
79	CQ10DH0151	Vũ Văn Bính	29/02/1996	x							x			Bắc Giang
80	CQ10DH0022	Bùi Văn Chiền	01/01/1999		x								x	Hải Phòng
81	CQ10DH0051	Hoàng Hải Dương	08/11/1999		x					x				Quảng Ninh
82	CQ10DH0027	Lưu Tùng Dương	01/12/1999			x				x				Quảng Ninh
83	CQ10DH0029	Nguyễn Tiến Đạt	13/02/1999			x					x			Quảng Ninh
84	CQ10DH0034	Phùng Hải Đăng	10/05/1999		x						x			Hải Dương
85	CQ10DH0146	Trần Hải Đăng	15/07/1999		x								x	Quảng Ninh
86	CQ10DH0038	Vũ Việt Đức	20/05/1999			x					x			Quảng Ninh
87	CQ10DH0050	Nguyễn Văn Đương	09/11/1999	x							x			Quảng Ninh
88	CQ10DH0160	Nguyễn Trường Giang	20/08/1998	x							x			Quảng Ninh
89	CQ10DH0032	Phạm Minh Hậu	17/05/1999		x						x			Hải Dương
90	CQ10DH0153	Đoàn Ngọc Hiếu	05/09/1996	x						x				Hà Nội

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
91	CQ10DH0071	Nguyễn Văn Hoàng	10/05/1999			X					X		Quảng Ninh
92	CQ10DH0030	Nguyễn Quang Hùng	28/08/1999	X							X		Hải Dương
93	CQ10DH0155	Phạm Huy Hùng	30/08/1999			X					X		Quảng Ninh
94	CQ10DH0028	Phạm Mạnh Hùng	24/11/1999	X								X	Quảng Ninh
95	CQ10DH0152	Trần Phi Hùng	18/12/1999										
96	CQ10DH0036	Hà Văn Huy	13/10/1999		X							X	Quảng Ninh
97	CQ10DH0014	Nguyễn Thanh Huyền	17/12/1999	X							X		Quảng Ninh
98	CQ10DH0040	Bùi Hữu Hưng	30/11/1999	X					X				Quảng Ninh
99	CQ10DH0053	Nguyễn Xuân Hữu	14/01/1999		X						X		Quảng Ninh
100	CQ10DH0075	Cao Trung Kiên	06/01/1999		X							X	Quảng Ninh
101	CQ10DH0052	Lê Quyết Trung Kiên	23/09/1999	X								X	Quảng Ninh
102	CQ10DH0135	Hoàng Đình Lập	19/03/1999			X			X				Quảng Ninh
103	CQ10DH0031	Ngô Quang Linh	18/01/1999		X						X		Quảng Ninh
104	CQ10DH0025	Nguyễn Thành Long	26/08/1999		X							X	Hải Phòng
105	CQ10DH0035	Nguyễn Văn Phong	11/09/1999	X							X		Hải Dương
106	CQ10DH0044	Nguyễn Văn Quang	14/02/1999	X					X				Quảng Ninh
107	CQ10DH0148	Nguyễn Văn Quang	19/07/1999										
108	CQ10DH0049	Trần Huy Quang	24/12/1999	X					X				Quảng Ninh
109	CQ10DH0043	Đỗ Hoàng Cao Thái	29/09/1999	X					X				Quảng Ninh
110	CQ10DH0002	Nguyễn Mạnh Tú	09/04/1998		X						X		Quảng Ninh
111	CQ10DH0144	Lê Ngọc Vĩ	17/03/1999			X					X		Quảng Ninh
112	CQ10DH0079	Phạm Văn Bình	31/05/1999	X							X		Hải Dương
113	CQ10DH0083	Dương Đức Chung	03/10/1999		X						X		Quảng Ninh
114	CQ10DH0076	Vũ Văn Đức	28/05/1999			X			X				Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
115	CQ10DH0088	Trương Văn Hạnh	24/01/1999		X						X		Hải Dương
116	CQ10DH0093	Nguyễn Sĩ Hiệp	25/08/1997			X					X		Hải Phòng
117	CQ10DH0018	Đỗ Minh Hiếu	02/10/1999	X						X			Quảng Ninh
118	CQ10DH0086	Trần Mạnh Hưng	21/12/1999	X						X			Quảng Ninh
119	CQ10DH0094	Nguyễn Đình Khải	21/06/1999	X							X		Thanh Hóa
120	CQ10DH0168	Trần Đức Khoái	17/01/1998			X						X	Hải Phòng
121	CQ10DH0096	Hoàng Thanh Long	11/12/1999		X							X	Quảng Ninh
122	CQ10DH0143	Lê Xuân Long	02/10/1999		X						X		Hải Dương
123	CQ10DH0165	Nguyễn Hợp Long	13/09/1999		X						X		Bắc Ninh
124	CQ10DH0074	Trần Trung Toàn	30/07/1999		X						X		Quảng Ninh
125	CQ10DH0054	Bùi Thanh Tuấn	25/04/1999			X					X		Quảng Ninh
126	CQ10DH0047	Trần Anh Tuấn	14/12/1999		X						X		Quảng Ninh
127	CQ10DH0085	Vương Triệu Vĩ	26/09/1999			X						X	Quảng Ninh
128	CQ10DH0163	Nguyễn Đức Anh	14/09/1996	X							X		Quảng Ninh
129	CQ10DH0122	Nguyễn Thị Anh	09/12/1999		X						X		Quảng Ninh
130	CQ10DH0114	Trịnh Thị Quế Anh	22/05/1999			X					X		Quảng Ninh
131	CQ10DH0098	Trần Ngọc Bích	06/09/1999		X						X		Quảng Ninh
132	CQ10DH0064	Phạm Thị Hồng Duyên	22/06/1999	X							X		Quảng Ninh
133	CQ10DH0110	Nguyễn Thu Hằng	01/03/1999		X							X	Quảng Ninh
134	CQ10DH0103	Nguyễn Hải Hậu	17/12/1999	X							X		Quảng Ninh
135	CQ10DH0120	Phạm Mai Hồng	27/10/1999	X							X		Quảng Ninh
136	CQ10DH0102	Nguyễn Thu Huyền	07/10/1999	X							X		Hà Nội
137	CQ10DH0106	Phạm Thị Thanh Huyền	05/12/1999	X							X		Quảng Ninh
138	CQ10DH0105	Vũ Huyền Linh	02/06/1999	X							X		Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài		
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
139	CQ10DH0119	Vũ Thị Mai	18/10/1999	x							x			Quảng Ninh
140	CQ10DH0111	Nguyễn Tiến Mạnh	07/10/1995	x						x				Quảng Ninh
141	CQ10DH0123	Trần Quang Minh	13/01/1999	x							x			Quảng Ninh
142	CQ10DH0099	Nguyễn Thị Phương Oanh	14/06/1999	x									x	Quảng Ninh
143	CQ10DH0117	Hoàng Thị Thảo	28/07/1998	x							x			Quảng Ninh
144	CQ10DH0108	Hà Thị Trang	22/11/1999	x							x			Quảng Ninh
145	LA10DH0007	Bounthavong Seng	25/02/1996	x						x				Lào
146	CQ10DH0068	Lô Thanh Hoàn	27/01/1999	x						x				Quảng Ninh
147	CQ10DH0142	Nguyễn Thu Hoài	26/09/1999	x							x			Quảng Ninh
148	CQ10DH0058	Phan Mạnh Tiến	16/07/1999		x						x			Hà Nội
149	CQ10DH0131	Nguyễn Văn Toàn	01/11/1999	x							x			Quảng Ninh
150	CQ10DH0056	Vương Ngọc Tú	24/08/1999	x							x			Phú Thọ
151	CQ10DH0060	Nguyễn Tấn Dũng	31/08/1999	x							x			Quảng Ninh
152	CQ10DH0059	Trần Ngọc Hiếu	27/06/1999	x							x			Quảng Ninh
153	CQ10DH0301	Phạm Tuấn Chương	24/07/1999		x						x			Quảng Ninh
154	CQ10DH0072	Vũ Trọng Đức	01/02/1999		x						x			Quảng Ninh
155	CQ10DH0129	Vũ Duy Khánh	16/02/1999	x							x			Quảng Ninh
156	CQ10DH0128	Hoàng Thị Bích Ngọc	28/11/1998		x						x			Quảng Ninh
157	LA10DH0001	Boutdy Phaxay	23/03/1999		x					x				Lào
158	LA10DH0004	Lomichith Souphaphone	05/11/1997	x						x				Lào
159	LA10DH0002	Phanpasack Dao	06/01/1999	x							x			Lào
160	LA10DH0013	Vannasy Nidlamone	04/08/1998		x					x				Lào
161	LA10DH0008	Vongsavanh Phonethip	26/01/1999	x						x				Lào
162	LA10DH0005	Baeng Bounphaengphone	08/10/1997	x						x				Lào

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài		
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
163	LA10DH0003	Hoyhack Maknavong	06/11/1999	x							x			Lào
164	LA10DH0014	Bounsone Vilaisack	27/04/1999	x						x				Lào
165	CQ10DH0015	Nguyễn Minh Đức	05/07/1999	x						x				Quảng Ninh
166	CQ10DH0013	Nguyễn Ngọc Đức	27/06/1999											
167	CQ10DH0167	Đàm Tiến Quý	08/07/1997	x							x			Quảng Ninh
168	CQ10DH0141	Nguyễn Quang Bảo Ân	09/09/1998	x							x			Quảng Ninh
169	CQ10DH0137	Vũ Lan Hương	14/09/1999	x							x			Quảng Ninh
170	CQ10DH0100	Đặng Thanh Tâm	23/05/1999			x					x			Hải Dương
171	LA10DH0009	Nouphavanh Lorvanhpao	23/02/1999	x						x				Lào
172	LA10DH0011	Kinnaly Duangphachanh	25/03/1998	x							x			Lào
173	LA10DH0012	Thongmai Hatsachanh	13/05/1996	x							x			Lào
174	LTLA12DH06	Seenoulath Chanthalungsee	18/08/1996	x							x			Lào
175	LTLA12DH03	Sengthanou Phothilack	10/03/1996	x						x				Lào
176	LTLA12DH04	Midpasa Phoummavanh	28/06/1997	x						x				Lào
177	LTLA12DH02	Thipphasay Kongsanith	12/02/1995	x							x			Lào
178	LTLA12DH01	Sinthared Vongsanit	13/05/1997	x						x				Hà Nội

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

